

Bản án số: **167/2024/DS-PT**

Ngày: 09-4-2024

*“Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Nguyễn Ngọc Vạng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/01/2024, ngày 23/02/2024, ngày 22/3/2024, ngày 03/4/2024 và ngày 09/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 479/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Rô L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số E T, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Rô L: Ông Cao Minh T, sinh năm 1970 (có mặt); Địa chỉ: Số B S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Vũ Thanh S, sinh năm 1971 (có mặt)

HKTT: P1110, Chung cư F H, phường V, quận B, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: C H, Khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số E T, khóm T, phường A, thành phố S, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Rô L là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L ủy quyền cho ông Cao Minh T trình bày: Trong năm 2020 - 2021, bà Rô L cho anh S vay 04 lần, tổng số tiền 500.000.000 đồng, có biên nhận cụ thể: Ngày 19/11/2020 vay số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 11/12/2020 vay số tiền 190.000.000 đồng; Ngày 05/01/2021 vay số tiền 20.000.000 đồng và ngày 07/01/2021 vay số tiền 260.000.000 đồng. Do trước đây anh S là con rể của bà Rô L và anh S vay thời gian ngắn nên bà Rô L không tính lãi, không thế chấp tài sản. Ngoài ra, ngày 19/4/2021 bà Rô L cho anh S vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng, hợp đồng vay chứng thực tại Phòng công chứng số B, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 0,8%/tháng, trả lãi vào ngày 19 tây hàng tháng, khi vay anh S thế chấp tài sản là căn nhà gắn liền thửa đất số 403, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại Phường C, thành phố S. Mục đích vay để anh S làm gì thì bà Rô L không rõ. Sau khi vay các khoản tiền trên thì anh S không trả vốn, lãi cho bà Rô L được lần nào. Hiện anh S còn nợ bà Rô L tổng số tiền vốn là 01 tỷ đồng và lãi suất.

Đối với ý kiến anh S cho rằng 04 lần vay trong năm 2020 - 2021 anh S đã trả cho bà Rô L xong, có giấy giao nhận tiền ngày 19/4/2021 do bà Rô L viết nội dung, ký tên, ghi họ tên và lấn tay bên gốc trái của giấy giao nhận tiền, còn khoản vay 500.000.000 đồng của hợp đồng vay tiền ngày 19/4/2021 anh S thế chấp cho bà Rô L thửa đất 403, tờ bản đồ số 08 cùng căn nhà tại phường C gắn liền với đất cho bà Rô L (do bà Rô L viết nội dung và ký tên, ghi họ tên Nguyễn Thị Rô L tại trang 2 của hợp đồng). Vấn đề này bà Rô L không thừa nhận, cho rằng không phải dấu vân tay, chữ viết, chữ ký của bà Rô L và yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký tên, ghi họ tên Nguyễn Thị Rô L và dấu vân tay trong hợp đồng vay tiền, giấy giao nhận tiền cùng ngày 19/4/2021. Đồng thời, bà Rô L cho rằng số tiền 500.000.000 đồng anh S trả cho bà Rô L theo giấy giao nhận tiền ngày 19/4/2021 là anh S trả khoản vay ngày 01/12/2020, không liên quan khoản vay đang tranh chấp, nhưng hợp đồng vay ngày 01/12/2020 đã thất lạc không còn.

Qua kết luận giám định số 698/KL-KTHS ngày 26/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh Đ có nội dung “chữ ký, chữ viết họ tên Nguyễn Thị Rô L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Rô L trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra và dấu vân tay (bên phải) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với dấu vân tay đứng tên Nguyễn Thị Rô L trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M3 đến M5 là dấu

vân tay của cùng một người. Riêng dấu vân tay (bên trái) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 không đủ yếu tố giám định”. Bà Rô L không có ý kiến và xác định không phải chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay của bà Rô L.

Nay bà Nguyễn Thị Rô L yêu cầu anh Vũ Thanh S trả lại số tiền vốn vay 500.000.000 đồng của khoản vay năm 2020 -2021 (tổng cộng 04 lần vay) và lãi suất cụ thể: Số tiền 500.000.000 đồng tạm tính từ ngày 19/4/2021 đến ngày 19/8/2023, là 28 tháng, mức lãi 0,83%/tháng: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 28 \text{ tháng} = 116.200.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn, lãi là: 616.200.000 đồng. Đối với chị Nguyễn Thị Thanh D thì bà Rô L không có yêu cầu tranh chấp gì. Về khoản vay 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 19/4/2021 được chứng thực tại Phòng công chứng số B tỉnh Đồng Tháp bà Rô L rút lại không yêu cầu tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- **Bị đơn anh Vũ Thanh S trình bày:** Giữa năm 2020 anh S có vay tiền của mẹ vợ tên Nguyễn Thị Rô L nhiều lần (ít nhất là 20.000.000 đồng, lần nhiều nhất là 100.000.000 đồng), mỗi lần vay bà Rô L có ghi chép vào sổ cá nhân của bà Rô L để theo dõi và anh S có ký tên nhận tiền mỗi lần. Đến ngày 19/4/2021 giữa anh S với bà Rô L chốt nợ tổng số tiền anh S vay của bà Rô L là 500.000.000 đồng và hai bên có làm hợp đồng vay tiền được chứng thực tại Phòng C tỉnh Đồng Tháp, lãi suất 0,8%/tháng (trả lãi vào ngày 19 tây hàng tháng), thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 19/4/2021. Mục đích vay để anh S xây dựng nhà ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (căn nhà được xây dựng trên thửa đất 73, tờ bản đồ số 42). Khi vay anh S có thể chấp cho bà Rô L 01 căn nhà gắn liền thửa đất 403, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường C, thành phố S. Hình thức thế chấp là anh S chuyển quyền sử dụng (QSD) đất cho bà Rô L đứng tên QSD đất và căn nhà tại địa chỉ trên, có lập hợp đồng tặng cho tại Phòng công chứng số B tỉnh Đồng Tháp, để không phải chịu thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân (do anh S là con rể của bà Rô L) và thỏa thuận nếu anh S trả xong khoản nợ này cho bà Rô L thì bà Rô L sẽ sang tên nhà, đất trên lại cho anh S. Ngược lại, anh S không có khả năng trả nợ thì anh S sẽ đứng ra bán nhà, đất trên để trả nợ cho bà Rô L.

Do khi anh S vay tiền của bà Rô L, anh S có thể chấp nhà, đất và chuyển QSD thửa đất 403, tọa lạc tại phường C cho bà Rô L và hiện tại bà Rô L đã bán nhà, đất cho người khác để thu hồi khoản tiền vay 500.000.000 đồng (bán cho ai, thời điểm nào, giá bao nhiêu anh S không rõ) nên từ khi vay đến nay anh S không có trả vốn, lãi cho bà Rô L. Đối với ý kiến bà Rô L cho rằng anh S có vay tiền của bà Rô L 04 lần gồm các ngày 19/11/2020, ngày 11/12/2020, ngày 05/01/2021, ngày 07/01/2021, tổng số tiền 500.000.000 đồng. Anh S xác định khoản vay này đã thanh toán cho bà Rô L xong, có viết giấy nhận tiền ngày 19/4/2021 do bà Rô L viết nội dung, ký tên, ghi họ tên, lăn tay bên gốc trái của Giấy giao nhận tiền. Vì vậy, anh S không còn nợ tiền của bà Rô L.

Nay anh S không đồng ý theo yêu cầu của bà Rô L, vì anh S không còn nợ tiền của bà Rô L. Đối với việc bà Rô L chuyển nhượng nhà, đất tại phường C, thành phố S thì anh S không có ý kiến, yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án. Trường hợp, phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Việc bà Rô L rút lại yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 19/4/2021 thì anh S không có ý kiến gì.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh D, giữa chị D với anh S đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số: 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Trong vụ án này anh S không có yêu cầu tranh chấp gì và cũng không yêu cầu chị D liên đới trả nợ cùng anh S trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Rô L. Trường hợp, có phát sinh tranh chấp anh S sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh D trình bày: Chị D là con gái của bà Rô L và là vợ của anh S. Tuy nhiên, giữa chị D với anh S đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số: 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Việc tranh chấp giữa bà Rô L với anh S thì hai bên tự giải quyết với nhau, chị D không có liên quan và cũng không có ý kiến yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Rô L về việc yêu cầu anh Vũ Thanh S trả số tiền nợ vay vốn và lãi là 616.200.000 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L đối với khoản vay 500.000.000 đồng của hợp đồng vay ngày 19/4/2021 được chứng thực tại Phòng công chứng số B tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Rô L thuộc trường hợp là người cao tuổi, có đơn hợp lệ nên được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí giám định:

Bà Nguyễn Thị Rô L nộp tiền chi phí giám định là 12.390.000 đồng (bà Rô L đã tạm ứng và chi xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo vào ngày 25/9/2023 yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo đó buộc anh Vũ Thanh S trả cho bà Rô L số tiền vốn vay

đối với khoản nợ của 04 biên nhận ngày 19/11/2020, ngày 11/12/2020, ngày 05/01/2021 và ngày 07/01/2021, số tiền vốn tổng cộng 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính 116.200.000 đồng. Tổng cộng 616.200.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Cao Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Rô L như nêu trên. Bởi các căn cứ như: Bị đơn anh Vũ Thanh S thừa nhận có ký vào 04 biên nhận để vay tiền của bà Rô L gồm: Ngày 19/11/2020 vay 30.000.000 đồng, ngày 11/12/2020 vay 190.000.000 đồng, ngày 05/01/2021 vay 20.000.000 đồng và ngày 07/01/2021 vay 260.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng; Giấy giao nhận tiền ngày 19/4/2021 là anh S trả khoản vay ngày 01/12/2020, không liên quan khoản vay đang tranh chấp; 04 biên nhận vay tiền nêu trên là độc lập và không có liên quan với Hợp đồng vay tiền ngày 19/4/2021 được chứng thực tại Phòng C; Anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả cho bà Rô L số tiền vay theo 04 biên nhận là 500.000.000 đồng, nên anh S phải có nghĩa vụ trả cho bà Rô L số tiền còn nợ vốn (gốc) là 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 19/8/2023 là 116.200.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 616.200.000 đồng.

- Bị đơn anh Vũ Thanh S trình bày: Không thống nhất kháng cáo của bà Rô L, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Rô L, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bởi vì, năm 2020 anh S có vay tiền của mẹ vợ anh là bà Rô L nhiều lần, mỗi lần vay bà Rô L có ghi chép vào sổ cá nhân của bà Rô L để theo dõi và anh S có ký tên nhận tiền mỗi lần. Ngày 01/12/2020 giữa anh S với bà Rô L có ký Hợp đồng cho vay tiền với số tiền là 500.000.000 đồng, anh có thể chấp cho bà Rô L 01 căn nhà gắn liền thửa đất 403, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường C, thành phố S, hình thức thế chấp là anh S chuyển QSD đất cho bà Rô L đứng tên và thỏa thuận nếu anh S trả xong khoản nợ này cho bà Rô L thì bà Rô L sẽ sang tên nhà, đất trên lại cho anh S, ngược lại nếu anh S không có khả năng trả nợ thì anh S sẽ đứng ra bán nhà, đất trên để trả nợ cho bà Rô L, mục đích vay để anh S xây dựng nhà ở tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nhưng tại thời điểm ký Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/12/2020 anh S không nhận đủ một lần số tiền 500.000.000 đồng, mà thỏa thuận sẽ nhận nhiều lần tùy thuộc thời điểm xây dựng nhà khi cần tiền để mua vật tư, trả tiền công. Do trước đó ngày 19/11/2020 anh có mượn bà Rô L số tiền 30.000.000 đồng, nên sau khi ký Hợp đồng vay ngày 01/12/2020 thì ngoài số tiền đã nhận ngày 19/11/2020 là 30.000.000 đồng anh S còn lần lượt nhận thêm 03 lần nữa là ngày 11/12/2020 nhận 190.000.000 đồng, ngày 05/01/2021 nhận 20.000.000 đồng và ngày 07/01/2021 nhận 260.000.000 đồng, tổng cộng 04 lần anh S đã nhận tiền của bà Rô L là 500.000.000 đồng. Đến

tháng 4/2021 do anh S và chị D đã ly hôn với nhau, nên bà Rô L thỏa thuận yêu cầu anh S ký lại Hợp đồng vay có công chứng vào ngày 19/4/2021, đồng thời anh S có yêu cầu bà Rô L phải ghi lại cho anh tờ Giấy giao nhận tiền ngày 19/4/2021 thể hiện nội dung anh S có trả cho bà Rô L số tiền 500.000.000 đồng của Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/12/2020 nhưng thực chất anh S không có giao tiền cho bà Rô L, vì mục đích của các bên là chuyển số tiền vay 500.000.000 đồng từ Hợp đồng vay ngày 01/12/2020 sang Hợp đồng vay tiền có công chứng của Phòng C vào ngày 19/4/2021, về tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền thửa đất 403 vẫn ghi nhận như cũ. Nên trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/12/2020 và Hợp đồng vay tiền có công chứng ngày 19/4/2021 do anh S cung cấp cho Tòa án đều có ghi nhận việc anh S có thể chấp căn nhà và đất thửa 403 ở phường C, thành phố S cho bà Rô L trước khi bà Rô L ký tên và ghi họ tên vào các hợp đồng này, còn các hợp đồng do bà Rô L cung cấp cho Tòa án thì không có ghi nhận nội dung thế chấp nhà, đất như nêu trên. Anh S thừa nhận chỉ có nợ bà Rô L số tiền 500.000.000 đồng nhưng do căn nhà trên thửa đất 403, tọa lạc tại phường C bà Rô L đã bán cho người khác để thu hồi khoản tiền vay 500.000.000 đồng (bán cho ai, thời điểm nào, giá bao nhiêu anh S không rõ), anh S nghĩ bà Rô L đã khấu trừ nợ xong, nên anh S không có trả vốn, lãi cho bà Rô L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L; tuyên xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 102/PB-VKS-DS ngày 09/4/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên

đơn bà Nguyễn Thị Rô L nộp đơn kháng cáo vào ngày 25/9/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Thanh D vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L cho rằng bị đơn anh Vũ Thanh S có vay của bà Rô L tổng cộng 1.000.000.000 đồng. Trong đó số tiền vay 500.000.000 đồng theo 04 biên nhận mà anh S đã ký gồm biên nhận ngày 19/11/2020 vay 30.000.000 đồng, biên nhận ngày 11/12/2020 vay 190.000.000 đồng, biên nhận ngày 05/01/2021 vay 20.000.000 đồng và biên nhận ngày 07/01/2021 vay 260.000.000 đồng, cho đến nay anh S không trả gốc, lãi cho bà Rô L, nên bà Rô L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh S phải có nghĩa vụ trả cho bà Rô L số tiền còn nợ vốn (gốc) là 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính 19/8/2023 là 116.200.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 616.200.000 đồng. Còn đối với số tiền vay 500.000.000 đồng theo Hợp đồng vay có công chứng vào ngày 19/4/2021 thì bà Rô L xin rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh S không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Rô L như nêu trên, đồng thời cho rằng bà Rô L đã chuyển nhượng nhà, đất tại Phường C để khấu trừ nợ xong. Điều này làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Rô L về việc yêu cầu anh Vũ Thanh S trả số tiền nợ vay vốn và lãi là 616.200.000 đồng và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L đối với khoản vay 500.000.000 đồng của hợp đồng vay tiền ngày 19/4/2021 được công chứng tại Phòng công chứng số B tỉnh Đồng Tháp là có cơ sở. Bởi các lẽ như: Anh S cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khi anh S còn chung sống vợ chồng với chị Nguyễn Thị Thanh D thì anh S có vay bà Rô L nhiều lần, sau đó các bên thỏa thuận lập Hợp đồng vay ngày 01/12/2020 nhưng anh S không nhận một lần số tiền 500.000.000 đồng mà nhận tiền nhiều lần, đó là các lần vào ngày 19/11/2020 nhận 30.000.000 đồng, ngày 11/12/2020 nhận 190.000.000 đồng, ngày 05/01/2021 nhận 20.000.000 đồng và ngày 07/01/2021 nhận 260.000.000 đồng. Khi anh S ly hôn với chị D thì giữa bà Rô L và anh S thỏa thuận lập lại Hợp đồng vay có công chứng vào ngày 19/4/2021 với số tiền 500.000.000 đồng, đồng thời bà Rô L ký vào Giấy giao nhận tiền ngày 19/4/2021 thể hiện nội dung anh S có trả cho bà Rô L số tiền 500.000.000 đồng của Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/12/2020 nhưng thực chất anh S không có giao tiền cho bà Rô L, vì mục đích của các bên là chuyển số tiền vay 500.000.000 đồng từ Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/12/2020 sang Hợp đồng vay tiền có công chứng vào ngày 19/4/2021, anh S thừa nhận chỉ có nợ bà Rô L

số tiền 500.000.000 đồng nhưng do tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền thửa đất 403, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại phường C bà Rô L đã chuyển nhượng cho người khác để thu hồi khoản tiền vay 500.000.000 đồng anh S nghĩ bà Rô L đã khấu trừ nợ xong, nên anh S không có trả vốn, lãi cho bà Rô L. Việc ông T đại diện cho bà Rô L cho rằng anh S nợ bà Rô L 1.000.000.000 đồng, trong đó khoản nợ theo 04 biên nhận là 500.000.000 đồng, khoản nợ theo hợp đồng vay ngày 19/4/2021 được công chứng tại Phòng C là 500.000.000 đồng là không đủ căn cứ chứng minh như nêu trên, theo Giấy xác nhận đồng ý ngày 10/10/2021 về việc anh S đồng ý cho bà Rô L có quyền bán (chuyển nhượng) hoặc cho thuê căn nhà thế chấp nêu trên để trừ nợ 500.000.000 đồng (do ông T đại diện hợp pháp của bà Rô L cung cấp tại Tòa án phúc thẩm) cũng thể hiện anh S chỉ có nợ bà Rô L số tiền 500.000.000 đồng, chứ không phải là 1.000.000.000 đồng như trình bày của ông T, cho thấy trình bày của ông T là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Cho thấy anh S chỉ còn nợ bà Rô L số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 19/4/2021 được công chứng tại Phòng C, điều này phù hợp chứng cứ do các đương sự cung cấp cho Tòa án và được thẩm tra tại phiên tòa. Nên việc Tòa án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Rô L như nêu trên là có căn cứ.

Đối với việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 500.000.000 đồng của hợp đồng vay tiền ngày 19/4/2021 được công chứng tại Phòng công chứng số B tỉnh Đồng Tháp, việc này đã được bị đơn anh Vũ Thanh S thống nhất, đồng thời anh S cũng không yêu cầu hay tranh chấp đối với tài sản thế chấp là căn nhà gắn liền thửa đất 403, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại phường C, các đương sự thống nhất nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Cho nên việc Tòa án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của bà Rô L là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa ông Cao Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà Rô L yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Rô L buộc anh Vũ Thanh S trả cho bà Rô L số tiền vốn vay đối với khoản nợ của 04 biên nhận ngày 19/11/2020, ngày 11/12/2020, ngày 05/01/2021 và ngày 07/01/2021, số tiền vốn (gốc) tổng cộng 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính 116.200.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 616.200.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà Rô L là không có đủ căn cứ, đồng thời bà Rô L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Rô L không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, xét thấy bà Rô L thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Rô L;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Rô L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi